

Số: 1289/CISCO-CBTT

Cao Bằng, ngày 06 tháng 9 năm 2023

V/v công bố thông tin hợp đồng, giao dịch
với người có liên quan

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng

- Mã chứng khoán: CBI

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 052 Kim Đồng, p.Hợp Giang, tp.Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

- Địa chỉ liên hệ: Km7, QL4A, xã Chu Trinh, tp. Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

- Điện thoại: 0206 3953 369

- E-mail: gangthepcb@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố: Ngày 06/9/2023 Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng ban hành Nghị quyết số 1288/NQ-CISCO-HĐQT ngày 06/9/2023 về việc mua/bán đá vôi phục vụ sản xuất.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ <https://gtcb.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

Tài liệu đính kèm:

- Nghị quyết số: 1288/NQ-CISCO-HĐQT ngày 06/9/2023.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Phương

Số: 1288/NQ-CISCO-HĐQT

Cao Bằng, ngày 06 tháng 9 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Về việc mua/bán đá vôi phục vụ sản xuất

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP CAO BẰNG

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng sửa đổi, bổ sung lần thứ tư được ban hành kèm theo Quyết định số 856/QĐ-GTCS ngày 21/7/2021 của Hội đồng quản trị Công ty CP Gang thép Cao Bằng;

Căn cứ ý kiến thống nhất tại Biên bản kiểm phiếu họp HĐQT số 11/BB-HĐQT ngày 06/9/2023 của Hội đồng quản trị Công ty CP Gang thép Cao Bằng.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng quản trị nhất trí thông qua việc mua/bán đá vôi để phục vụ sản xuất theo nội dung Tờ trình của Giám đốc Công ty, cụ thể như sau:

- Số lượng mua: 15.000 tấn $\pm 10\%$ quy về độ ẩm 0%
- Thời gian dự kiến giao hàng: Từ tháng 9/2023 đến tháng 8/2024
- Chất lượng: Tỷ lệ cỡ hạt > 3mm không vượt quá 5%

Cỡ hạt (mm)	Thành phần hóa học (%)					
	CaO	SiO ₂	Al ₂ O ₃	MgO	S	P
≤ 3mm	≥ 51,00	≤ 2,60	≤ 2,00	≤ 3,50	≤ 0,06	≤ 0,02

(Có dự thảo Hợp đồng kèm theo).

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

CÁC THÀNH VIÊN HĐQT

Nguyễn Văn Phương

Tô Xuân Thanh

Trịnh Văn Tuấn

Phạm Thành Đô

CHỦ TỊCH HĐQT

Bùi Tiến Hải

Nơi nhận:

- Như Điều 2;

- Lưu: VT, HĐQT.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐÁ VÔI

Số: /HĐKT/2023

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Thương mại số 03/VBHN-VPQH ngày 28/6/2017 hợp nhất Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 và Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12/6/2017 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Hôm nay, ngày tháng năm 2023, tại văn phòng Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP, chúng tôi gồm có:

BÊN MUA : CÔNG TY CP GANG THÉP CAO BẰNG

(Sau đây gọi là Bên A)

Địa chỉ : Số 52 phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, TP. Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Điện thoại : 0206.3953.369 Fax: 0206.3953.268

Mã số thuế : 4800162247

Tài khoản : 33010000017892, tại Ngân hàng Đầu tư & Phát triển tỉnh Cao Bằng.

Đại diện : Ông Nguyễn Văn Phương Chức vụ: Giám đốc

BÊN BÁN : TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP

(Sau đây gọi là Bên B)

Địa chỉ : 193, Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

Điện thoại : 024.6287.6666 Fax: 024.6288.3333

Mã số thuế : 0100103087

Tài khoản : 170114851000017, tại Ngân hàng Eximbank, Chi nhánh Long Biên Hà Nội.

Đại diện : Ông Trịnh Văn Tuệ Chức vụ: Tổng Giám đốc

Hai bên thỏa thuận và ký kết hợp đồng mua bán Đá vôi (sau đây gọi chung là "Hợp đồng") với các điều kiện và điều khoản sau:

Điều 1. Phạm vi cung cấp

1.1. Tên hàng hóa: Đá vôi.

1.2. Quy cách, số lượng:

- Quy cách: Đá vôi cỡ hạt 0-3mm; Hàng hóa để rời, không bao bì.

- Số lượng: **15.000 tấn** quy khô (độ ẩm 0%).

- Dung sai cho phép: $\pm 10\%$ (Cộng hoặc trừ mười phần trăm).

1.3. Chất lượng hàng hóa: Hàng hóa phải đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật theo Bảng dưới đây:

Cỡ hạt (mm)	Thành phần hóa học (%)					
	CaO	SiO ₂	Al ₂ O ₃	MgO	S	P
≤ 3mm	≥ 51,00	≤ 2,60	≤ 2,00	≤ 3,50	≤ 0,06	≤ 0,02

- Các yêu cầu khác:
- + Độ ẩm: Hàng hóa ẩm tự nhiên theo độ ẩm thực tế. Độ ẩm quy chuẩn hàng hóa quy khô là 0%.
- + Tỷ lệ cỡ hạt > 3 mm không vượt quá 5%.

Điều 2. Đơn giá và giá trị hợp đồng

2.1. Đơn giá:

- Đơn giá của Hợp đồng...../tấn quy khô.

Bảng chữ:

- Đơn giá chính thức từng lô hàng giao nhận được xác định từ Đơn giá này trừ (-) Giảm trừ đơn giá quy định tại Khoản 2.3 Điều 2 Hợp đồng (nếu có).

- Các đơn giá đề cập trên đây được hiểu là chưa bao gồm thuế VAT, nhưng đã bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí khác (nếu có) và được tính trên một tấn Đá vôi quy khô (độ ẩm 0%) theo điều kiện giao nhận hàng hóa quy định tại Điều 3 Hợp đồng.

2.2. Giá trị Hợp đồng:

Giá trị hàng hóa chưa VAT:

Thuế VAT 10%:

Tổng giá trị Hợp đồng.....

Các giá trị trên đây là giá trị tạm tính của Hợp đồng, giá trị chính thức của Hợp đồng được xác định cụ thể theo khối lượng giao nhận và chất lượng thực tế của từng lô hàng thuộc Hợp đồng.

2.3. Giảm trừ đơn giá, từ chối nhận hàng:

- Nếu tỷ lệ cỡ hạt không đạt yêu cầu trên 5% đến 10% thì đơn giá phần khối lượng vượt cỡ hạt của lô hàng đó sẽ bị giảm trừ (-) **15.000 đồng/tấn**. Nếu tỷ lệ cỡ hạt không đạt yêu cầu trên 10% thì phần khối lượng vượt không được nghiệm thu thanh toán.

- Nếu kết quả phân tích chất lượng cho thấy các chỉ tiêu thành phần hóa học của hàng hóa không đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật quy định tại Khoản 1.3 Điều 1 Hợp đồng, Bên A sẽ từ chối nhận hàng.

Trường hợp một phần hoặc toàn bộ khối lượng hàng hóa mà Bên A đã sử dụng thuộc về lượng hàng bị từ chối nhận và phải trả lại Bên B thì số lượng hàng hóa đó sẽ được giảm trừ (-) theo đơn giá trong Bảng dưới đây:

Chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn yêu cầu	Từ chối nhận hàng	Giảm trừ đơn giá tương ứng cho phần khối lượng không đạt yêu cầu
CaO	%	≥ 51,00	< 51,00	Trừ 5.000 đồng/tấn cho mỗi 0,1%
SiO ₂	%	≤ 2,60	> 2,60	Trừ 5.000 đồng/tấn cho mỗi 0,1%
Al ₂ O ₃	%	≤ 0,20	> 0,20	Trừ 5.000 đồng/tấn cho mỗi 0,1%
MgO	%	≤ 3,50	> 3,50	Trừ 5.000 đồng/tấn cho mỗi 0,1%
S	%	≤ 0,06	> 0,06	Trừ 5.000 đồng/tấn cho mỗi 0,01%
P	%	≤ 0,02	> 0,02	Trừ 5.000 đồng/tấn cho mỗi 0,01%

Điều 3. Phương thức giao nhận

3.1. Thời gian cung cấp hàng hóa:

Kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày **31/8/2024**. Bình quân giao nhận tối thiểu 1.250 tấn \pm 10%/tháng quy về độ ẩm 0%

3.2. Địa điểm giao nhận hàng: Hàng hóa được giao tại kho của Bên A, địa chỉ: Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng - Km7, QL 4A, xã Chu Trinh, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

3.3. Giám định số lượng, chất lượng hàng hóa:

3.3.1. Cơ quan giám định:

Toàn bộ hàng hóa được giám định số lượng và chất lượng bởi Bộ phận KCS (kiểm tra chất lượng) của Bên A.

3.3.2. Quy trình giám sát cân đong, quy trình lấy mẫu và phân tích mẫu: Theo quy trình cân, lấy mẫu, gia công, phân tích mẫu ban hành tại Quyết định số 1053/QĐ-GTCB ngày 01/10/2021 của Bên A.

3.3.3 Trách nhiệm giám sát:

Các bên có liên quan có trách nhiệm cử đại diện có thẩm quyền của mình tham gia giám sát các công tác liên quan tới:

(i) Cân đong, xác định số lượng hàng hóa giao nhận trong mỗi ngày giao nhận theo quy định tại Điểm 3.4.1 Khoản 3.4 Điều 3 Hợp đồng.

(ii) Lấy mẫu và phân tích xác định cỡ hạt, độ ẩm do bộ phận KCS (kiểm tra chất lượng sản phẩm) của Bên A tiến hành trong mỗi ngày giao nhận theo quy định tại Điểm 3.4.2 Khoản 3.4 Điều 3 Hợp đồng.

(iii) Lấy mẫu phục vụ phân tích xác định các chỉ tiêu chất lượng hàng hóa do bộ phận KCS (kiểm tra chất lượng sản phẩm) của Bên A tiến hành trong mỗi ngày giao nhận theo quy định tại Điểm 3.4.3 Khoản 3.4. Điều 3 Hợp đồng.

3.4. Cân đo, lấy mẫu, xác định số lượng, chất lượng hàng hóa:

3.4.1. Cân đo, xác định số lượng hàng hóa:

- Số lượng hàng hóa ẩm tự nhiên Bên B giao hoặc Bên A trả lại hàng (nếu có) được xác định bằng cân ô tô qua cân điện tử của Bên A tại địa điểm giao nhận hàng hóa dưới sự giám sát của các bên liên quan.

- Khối lượng thanh toán của từng lô hàng: Là khối lượng được xác định bằng cân ô tô tại địa điểm giao hàng dưới sự giám sát của các bên có liên quan, được quy khô (độ ẩm bằng 0%) trừ đi toàn bộ lượng hàng trả lại (nếu có) được quy khô (độ ẩm bằng 0%).

3.4.2. Lấy mẫu và phân tích xác định độ ẩm, cỡ hạt:

- Bên A cùng Bên B tiến hành lấy mẫu và phân tích mẫu xác định độ ẩm, cỡ hạt cho hàng hóa giao nhận mỗi ngày theo quy trình cân, lấy mẫu, gia công, phân tích mẫu ban hành tại Quyết định số 1053/QĐ-GTCB ngày 01/10/2021 của Bên A.

- Các mẫu phân tích xác định độ ẩm, cỡ hạt được lấy và phân tích mỗi ngày giao nhận tại Địa điểm giao nhận hàng hóa do bộ phận KCS (kiểm tra chất lượng sản phẩm) của bên A thực hiện.

1622
NG T
PH
TH
BẢN
G T.C

3.4.3. Lấy mẫu phục vụ phân tích xác định các chỉ tiêu chất lượng hàng hóa (các thành phần hóa học):

- Bên A cùng Bên B tiến hành lấy mẫu phục vụ phân tích xác định chất lượng hàng hóa giao nhận mỗi ngày theo quy trình cân, lấy mẫu, gia công mẫu ban hành tại Quyết định số 1053/QĐ-GTCB ngày 01/10/2021 của Bên A.

- Mẫu để phân tích xác định chất lượng lô hàng được lấy mỗi ngày giao nhận tại Địa điểm giao nhận hàng hóa theo nguyên tắc độc lập với các mẫu phân tích xác định độ ẩm và cỡ hạt từ lượng hàng hóa bên A nhận mỗi ngày.

- Mẫu để phân tích xác định chất lượng lô hàng được phối trộn, giản lược và chia làm 04 (bốn) phần, được niêm phong và có chữ ký xác nhận của các bên có liên quan. Mỗi bên có liên quan giữ 01 (một) phần, 01 (một) phần do Bộ phận KCS (kiểm tra chất lượng) của Bên A phân tích và 01 (một) phần được lưu giữ tại Phòng hóa nghiệm của Bên A để làm mẫu trọng tài trong trường hợp cần thiết.

3.5. Phiếu kết quả chất lượng:

Phiếu báo kết quả phân tích của của Bên A là cơ sở để các bên tiến hành nghiệm thu, quyết toán và thanh toán, trừ trường hợp sử dụng giám định trọng tài quy định tại Khoản 3.6 Điều 3 Hợp đồng.

3.6. Trọng tài:

- Trường hợp Bên B không đồng ý với 1 (một) hoặc nhiều chỉ tiêu chất lượng do Bộ phận KCS của Bên A phân tích thì trong vòng 03 (ba) ngày làm việc Bên A, Bên B cùng nhau thống nhất lựa chọn tổ chức có chức năng giám định làm trọng tài đối với chỉ tiêu chất lượng chưa thống nhất đó.

- Kết quả giám định trọng tài đối với chỉ tiêu chất lượng chưa thống nhất trên đây là kết quả chính thức để các bên thanh quyết toán tiền mua bán hàng hóa.

- Phí giám định trọng tài do bên có yêu cầu giám định trọng tài chi trả.

Điều 4. Thanh toán

4.1. Hình thức thanh toán: Bằng bù trừ công nợ và chuyển khoản bằng đồng Việt Nam (nếu có).

4.2. Hóa đơn: Bên B xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Bên A trong cùng ngày và ngay sau khi hai bên ký biên bản nghiệm thu bàn giao số lượng và chất lượng của lô hàng.

4.3. Thanh toán: Hai bên nhất trí thanh toán bằng bù trừ công nợ với tiền bán các sản phẩm gang hoặc phôi thép do Bên A sản xuất cho Bên B.

Điều 5. Trách nhiệm của các bên

5.1. Trách nhiệm của Bên A:

- Cung cấp kế hoạch nhận hàng cho Bên B và Đơn vị cung cấp hàng hóa.

- Chuẩn bị đầy đủ nhân lực, các phương tiện cân, kiểm tra chất lượng hàng hóa, kho bãi nhận hàng.

- Trả lại lượng hàng cỡ hạt > 3mm trên 5% cho Đơn vị cung cấp hàng hóa vào cuối mỗi ngày giao nhận (nếu có).

- Kịp thời tiếp nhận hàng cỡ hạt 0-3mm do Đơn vị cung cấp hàng hóa giao bổ sung (nếu có).

- Đảm bảo việc thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Bên B.

5.2. Trách nhiệm của Bên B:

- Thông báo chi tiết và đầy đủ về thời gian và điều kiện giao hàng cho Bên A và Đơn vị cung cấp hàng hóa trong thời gian không muộn hơn 7 (bảy) ngày trước khi các bên tiến hành giao nhận mỗi lô hàng.

- Bảo đảm giao hàng hóa đúng số lượng, chất lượng và thời gian đã thỏa thuận.

- Đôn đốc Đơn vị cung cấp hàng hóa nhận lại lượng hàng cỡ hạt > 3mm trên 5%, từ Bên B vào cuối mỗi ngày giao nhận (nếu có).

- Đôn đốc Đơn vị cung cấp hàng hóa giao bổ sung hàng cỡ hạt 0-3mm đủ số lượng và trong thời hạn theo Thông báo của Bên B (nếu có).

Điều 6. Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại:

6.1. Nếu Bên B giao hàng chậm hơn so với thời gian quy định trong Hợp đồng và do lỗi Bên B gây ra, thì sẽ chịu phạt 3% (ba phần trăm) giá trị của số lượng hàng bị giao chậm.

6.2. Nếu Bên A không đảm bảo các điều kiện để có thể tiếp nhận tối thiểu 60 tấn hàng hóa quy khô mỗi ngày thì Bên A sẽ phải chịu phạt 3% (ba phần trăm) giá trị của số lượng hàng hóa không tiếp nhận được còn lại trong ngày.

6.3. Nếu một trong hai bên đơn phương huỷ bỏ hợp đồng mà không có lý do chính đáng (lý do bất khả kháng) thì bên vi phạm phải chịu một khoản tiền phạt tương đương với 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm và bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại cho bên bị vi phạm do việc đơn phương huỷ bỏ hợp đồng gây ra cho bên kia.

Điều 7. Luật điều chỉnh và giải quyết tranh chấp:

7.1. Hợp đồng được điều chỉnh theo quy định của luật pháp Việt Nam.

7.2. Hai bên sẽ chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện Hợp đồng. Nếu có vấn đề gì bất lợi phát sinh hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và tích cực bàn bạc giải quyết. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề gì vướng mắc thì hai bên sẽ gặp nhau để bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thỏa thuận, bình đẳng và cùng có lợi.

7.3. Trong trường hợp hai bên không tự giải quyết được thì trong vòng 30 (ba mươi) ngày một trong hai bên có quyền đệ đơn đến tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật để giải quyết. Phán quyết của tòa án là phán quyết cuối cùng, có hiệu lực đối với cả hai bên và buộc các bên phải tuân thủ. Bên thua phải chịu toàn bộ án phí để giải quyết vụ việc.

Điều 8. Bất khả kháng:

8.1. Các trường hợp bất khả kháng của Hợp đồng được thực hiện theo điều khoản bất khả kháng của Phòng Thương mại Quốc tế (ấn phẩm số 421 của ICC), nếu Điều khoản bất khả kháng này không mâu thuẫn với các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

8.2. Các sự kiện bất khả kháng bao gồm, nhưng không chỉ là các sự kiện như: thiên tai (lũ lụt, động đất, hỏa hoạn, phun trào núi lửa, sóng thần); dịch họa; tội phạm;



nổi loạn; khởi nghĩa; nổi dậy; bom mìn còn sót lại sau chiến tranh; khủng bố; hành động của kẻ thù nước ngoài; thù nghịch (có hoặc không có tuyên bố chiến tranh); chiến tranh; sức mạnh quân sự; tiềm nghịch; sung công; quốc hữu hóa; trừng phạt của chính quyền; bao vây; cấm vận; tranh chấp lao động; bãi công; đình công; đóng cửa doanh nghiệp hoặc bất kỳ nguyên nhân nào khác vượt quá sự kiểm soát của các bên.

8.3. Không bên nào phải chịu trách nhiệm cho việc không thực hiện các nghĩa vụ của mình trong Hợp đồng khi nguyên nhân của việc không thực hiện đó xuất phát từ hậu quả của sự kiện bất khả kháng. Không bên nào có quyền chấm dứt hợp đồng theo Điều 10 Hợp đồng trong những hoàn cảnh như vậy.

8.4. Bất kỳ bên nào đưa ra khẳng định bất khả kháng như là lý do để biện minh cho việc không thực hiện và/hoặc thực hiện không đầy đủ các nghĩa vụ của mình có trách nhiệm trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện bất khả kháng phải chứng minh bằng văn bản và/hoặc bằng chứng cứ rằng các biện pháp hợp lý đã được thực hiện (tùy theo hoàn cảnh) để giảm thiểu sự chậm trễ hay các tổn thất phát sinh ra từ các sự kiện có thể dự đoán trước, rằng tất cả các bên phân không thể được miễn trách nhiệm đã được thực thi đầy đủ, và bên kia đã được thông báo kịp thời về sự kiện có thể xảy ra hay sự kiện đã xảy ra trên thực tế và chứng tỏ có thể biện minh cho khẳng định như vậy, sao cho các cảnh báo thận trọng khác có thể được coi là đã có.

8.5. Trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi sự kiện bất khả kháng qua đi, bên rơi vào tình trạng bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các bổn phận và nghĩa vụ của mình đã quy định trong Hợp đồng.

Điều 9. Hiệu lực của Hợp đồng:

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 31/8/2024 hoặc sau khi hai bên hoàn thành các nghĩa vụ của mình - tùy theo điều kiện nào xảy ra trước.

Điều 10. Chấm dứt, hủy bỏ hợp đồng:

10.1. Hợp đồng đương nhiên chấm dứt trong các trường hợp sau:

10.1.1. Khi kết thúc thời hạn hiệu lực quy định tại Điều 9 Hợp đồng.

10.1.2. Khi một trong hai bên chấm dứt hoạt động theo Luật Doanh nghiệp 2020 (và/hoặc các văn bản pháp quy bổ sung, sửa đổi - nếu có) hoặc khi các bên thỏa thuận bằng văn bản để chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

10.1.3. Hợp đồng tự động thanh lý nếu không bên nào khiếu nại về việc thực hiện nghĩa vụ của bên kia kể từ ngày kế tiếp ngày chấm dứt hiệu lực của Hợp đồng.

10.2. Đình chỉ thực hiện hợp đồng, đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng, hủy bỏ hợp đồng:

10.2.1. Một trong các bên có quyền đình chỉ thực hiện hợp đồng hoặc đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng hoặc hủy bỏ hợp đồng nếu bên còn lại vi phạm việc thực hiện bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng và không khắc phục vi phạm đó trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày bên bị vi phạm ra văn bản thông báo, trong đó nêu rõ vi phạm đó. Bên vi phạm phải chịu hoàn toàn trách nhiệm bồi thường thiệt hại, phạt vi phạm hợp đồng và các thiệt hại khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Trong trường hợp này, các bên có nghĩa vụ thông báo cho bên kia biết trước thời điểm đình chỉ thực hiện hợp đồng, đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng hoặc hủy bỏ hợp đồng ít nhất là 07 (bảy) ngày.

10.2.2. Các bên không được phép đình chỉ thực hiện hợp đồng, đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng hoặc hủy bỏ hợp đồng nếu không phải trường hợp quy định tại Khoản 10.2 Điều 10 Hợp đồng. Nếu bên nào đình chỉ thực hiện hợp đồng, đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng hoặc hủy bỏ hợp đồng trái quy định thì phải bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại do việc đình chỉ thực hiện hợp đồng, đơn phương chấm dứt thực hiện hoặc hủy bỏ hợp đồng gây ra cho bên kia.

Điều 11. Điều khoản chung:

11.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản trong Hợp đồng. Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp đồng và phụ lục Hợp đồng phải được sự đồng ý bằng văn bản của hai bên.

11.2. Tất cả các thông báo theo Hợp đồng phải được gửi theo đường bưu điện, fax hoặc gửi trực tiếp cho đại diện có thẩm quyền của mỗi bên theo địa chỉ ghi trong Hợp đồng.

11.3. Hợp đồng được lập thành 08 (tám) bản bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi bên giữ 04 (bốn) bản để cùng thực hiện.

ĐỂ LÀM BẰNG, các Bên thống nhất ký kết Hợp đồng vào ngày tháng năm ghi tại phần phía trên Hợp đồng này.

**ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC**

**ĐẠI DIỆN BÊN B
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Phương

Trịnh Văn Tuệ

